

Số:189/2020/QĐST – HNGĐ

Quận 2, ngày 16 tháng 7 năm 2020

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN
CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ hồ sơ vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 11/2020/TLST-HNGĐ ngày 06/01/2020 về “Ly hôn”, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Huỳnh Thị Thanh T.

Địa chỉ: Đường A, phường B, Quận C, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn: Ông Phạm Việt T, sinh năm: 1990 – Luật sư Văn phòng luật sư CV thuộc Đoàn Luật sư Thành phố Hồ Chí Minh.

Bị đơn: Ông Nguyễn Trường G.

Địa chỉ: Đường A1, phường B1, Quận C1, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị đơn: Bà Trần Thị H – Luật sư thuộc Công ty Luật Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên Tư vấn Hội Nhập TC thuộc Đoàn Luật sư Thành phố Hồ Chí Minh.

Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 3, 4 Điều 147; Điều 212, Điều 213 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 51, 54, 56, 57, 58, 81, 82, 83, 84 và Điều 110 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ Luật Thi hành án dân sự;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 08 tháng 7 năm 2020.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của pháp luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 (bảy) ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn giữa: Bà Huỳnh Thị Thanh T và ông Nguyễn Trường G.

(Giấy chứng nhận kết hôn số 75/2015, quyển số 01/2015 do Ủy ban nhân dân phường Thảo Điền, Quận 2, Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 13/11/2015 hết hiệu lực kể từ ngày Tòa án ban hành quyết định).

2. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về con chung:

Bà Huỳnh Thị Thanh T và ông Nguyễn Trường G xác định có hai con chung tên Nguyễn Tùng S, sinh ngày 09/5/2014 và Nguyễn Hoàng Q, sinh ngày 11/02/2016. Ông G và bà T cùng thống nhất thỏa thuận giao con chung Nguyễn Tùng S cho ông G nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục. Giao con chung Nguyễn Hoàng Q cho bà T nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục. Do điều kiện học hành của cháu Q nên trẻ Q sẽ ở với ông G từ thứ hai đến thứ sáu, sau khi hết giờ học chiều thứ sáu hoặc thứ bảy thì bà T được đón con về nhà riêng để chăm sóc, giáo dục, đến chủ nhật bà T sẽ đưa cháu Q về ở với ông G để tiện việc đi học. Đối với trẻ Nguyễn Tùng S thì vào thứ bảy, chủ nhật bà T được quyền đón về nhà riêng để chăm sóc, giáo dục. Ông Nguyễn Trường G có toàn quyền quyết định về việc học hành của trẻ Nguyễn Hoàng Q và sẽ thông tin cho phía bà T biết.

Ông G và bà T đều không có nghĩa vụ phải cấp dưỡng nuôi con.

Cha, mẹ có nghĩa vụ và quyền ngang nhau, cùng nhau chăm sóc, nuôi dưỡng con chưa thành niên.

Người không trực tiếp nuôi con có nghĩa vụ tôn trọng quyền của con được sống chung với người trực tiếp nuôi con; có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu người không trực tiếp nuôi con thực hiện các nghĩa vụ theo quy định tại Điều 82 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; yêu cầu người không trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình tôn trọng quyền được nuôi con của mình.

Trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức theo quy định của pháp luật, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con và việc cấp dưỡng nuôi con.

Các bên thi hành dưới sự giám sát của Cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền.

- Về tài sản chung và nợ chung: Bà Huỳnh Thị Thanh T và ông Nguyễn Trường G cùng xác định ông bà không có tài sản chung và nợ chung.

3. Về án phí:

Án phí sơ thẩm là 150.000 đồng (*Một trăm năm mươi nghìn đồng*) bà Huỳnh Thị Thanh T tự nguyện chịu nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) bà T đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA/2017/0016147 do Chi cục Thi hành án dân sự Quận 2 lập ngày 19/3/2019. Hoàn lại cho bà T số tiền 150.000 đồng (*Một trăm năm mươi nghìn*) còn lại. Bà T đã nộp đủ án phí, ông Nguyễn Trường G không phải nộp án phí.

4. Về nghĩa vụ và quyền yêu cầu thi hành án:

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

5. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm./.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân Quận 2;
- Chi cục Thi hành án dân sự Quận 2;
- Ủy ban nhân dân phường Thảo Điền, Quận 2;
- Lưu VP, hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

(Đã ký)

Nguyễn Trung Thực